

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 21-01-2025
*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đăng Khoa
2. Ông Trần Văn Lòi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Qui – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Bành Đức H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 2 Tổ D, ấp D, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện uỷ quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 8 N, khu phố I, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 04/9/2024) (Có mặt)

2/ Bị đơn: Anh Phạm Cao Duy H1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: khu phố L, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Bành Văn H2, sinh năm 1968;

Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin Vắng mặt)

3.2/ Bà Đoàn Thị Bích V, sinh năm 1971;

Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin Vắng mặt)

3.3/ Chị Bành Ngọc P, sinh năm 1998;
Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin Vắng mặt)

3.4/ Văn phòng C;
Địa chỉ: A N, khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo pháp luật: ông Bùi Phú M. (Xin Vắng mặt)

3.5/ Chị Phạm Ngọc Kim N, sinh năm 1988;
Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Bành Đức H là bà Phan Thị U trình bày:*

Trước đây do quen biết nên vào ngày 23/6/2023 anh H có vay của anh H1 số tiền là 350.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Để đảm bảo khoản vay trên thì anh H1 có yêu cầu anh H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 để làm tin;

Quá trình thực hiện anh H có trả được 50.000.000 đồng tiền lãi, Thửa đất vẫn do anh H và gia đình anh quản lý sử dụng vì trên thửa đất có căn nhà cấp 4 gia đình anh H đang sinh sống. Gần đây do gia đình gặp khó khăn nên anh có xin anh H1 cho hoàn tất vốn và lãi và xin lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính nhưng anh H1 không đồng ý mà yêu cầu anh H phải trả luôn phần nợ của em anh H vay của anh H1.

Việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng nêu trên chỉ là thế chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng. Do không thoả thuận được nên anh H yêu cầu:

1/ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 giữa anh Bành Đức H và Phạm Cao Duy H1 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 là vô hiệu do giả tạo.

2/ Yêu cầu toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Anh Hòa đồng ý trả lại cho anh H1 tiền vốn vay là 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là 1,66%/tháng từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2025 là 19 tháng với số tiền 110.390.000 đồng – 50.000.000 đồng = 60.390.000 đồng.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã tổng đạt hợp lệ.*

** Theo biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bành Văn H2 trình bày:*

Ông là cha của anh H, hiện ông đang sinh sống cùng gia đình tại căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ 12, diện tích 1116m², căn nhà này do ông xây dựng. Nguồn gốc thửa đất này là của ông tặng cho anh H, sau đó anh H cầm sổ để vay tiền là 350.000.000 đồng, đóng tiền lãi lời như thế nào thì ông không rõ. Cách đây 03 tháng anh H1 đến nhà tìm anh H, anh H1 nói sổ sách sang tên hết rồi, muốn chuộc lại thì đóng tiền lãi, con gái ông là Bành Ngọc P phải chạy đi mượn tiền để đóng lãi, khi đóng xong tiền lãi là 50.000.000 đồng thì anh H1 cũng không cho chuộc lại. Nay ông có ý kiến là anh H chỉ vay tiền thì trả tiền chứ thật sự không có bán đất.

** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Bích V trình bày:*

Bà là mẹ sau của anh H. Ngày 23/6/2023 anh H có vay của anh H1 số tiền là 350.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm.

Để đảm bảo khoản vay trên thì anh H1 có yêu cầu anh H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 để làm tin;

Trên thửa đất 325 thì có căn nhà vợ chồng bà cùng các con là P và H đang sinh sống.

Quá trình vay tiền, anh H có nhờ con gái riêng của bà là Phạm Ngọc Kim N chuyển khoản trả lãi với số tiền là 50.000.000 đồng vào tài khoản số 0961779989 của anh Phạm Cao Duy H1 tại Ngân hàng S, anh H1 có làm xác nhận, để anh H1 cho chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó anh H1 yêu cầu anh H trả thêm tiền nên tranh chấp cho đến nay.

Bà Thống nhất với yêu cầu của anh H, không ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Ngọc Kim N trình bày:*

Ông H2 là cha sau của chị, anh H là con ruột của ông H2. Ngày 23/6/2023 anh H có vay của anh H1 số tiền là 350.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm.

Để đảm bảo khoản vay trên thì anh H1 có yêu cầu anh H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 để làm tin;

Trên thửa đất 325 thì có căn nhà gồm cha mẹ chị cùng anh em chị đang sinh sống.

Ngày 19/6/2024, anh H có nhờ chị chuyển khoản trả tiền lãi 50.000.000 đồng vào tài khoản số 0961779989 của anh Phạm Cao Duy H1 tại Ngân hàng S, với mục đích để chuộc sổ đỏ của gia đình nhưng sau đó anh H1 yêu cầu anh H trả thêm tiền nên tranh chấp cho đến nay.

Chị thống nhất với yêu cầu của anh H, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bành Ngọc P trình bày:*

Thông nhất với ý kiến của bà V, chị Kim N.

** Đại diện Văn phòng C có đơn xin vắng mặt ngoài ra không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí và chi phí tố tụng: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và tranh chấp tiền nợ vay; bị đơn có nơi cư trú tại phường L, thành phố G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Phạm Cao Duy H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bành Văn H2, Bành Ngọc P, Đoàn Thị Bích V, Phạm Thị Kim N1 và Văn phòng C có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị Phạm Ngọc Kim N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án thông báo tham gia tố tụng và thông báo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị N đã có ý

kiến trình bày cùng đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu:

1/ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 giữa anh Bành Đức H và Phạm Cao Duy H1 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 là vô hiệu do giả tạo.

2/ Yêu cầu toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Anh Hòa đồng Ý trả lại cho anh H1 tiền vốn vay là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 60.390.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 anh H và anh H1 lập “Hợp đồng vay tiền” với nội dung thoả thuận số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm. Anh H1 có giữ của anh H một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 cho anh Bành Đức H. Khi anh H trả đủ tiền thì anh H1 sẽ trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H. Lãi suất vay: theo thoả thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định của ngân hàng N2. Thanh toán lãi suất: mỗi tháng 01 lần (do 02 bên thoả thuận).

Ngày 26/6/2023 (03 ngày sau khi ký Hợp đồng vay tiền) tại Văn phòng C anh H và anh H1 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 cho anh H.

Ngày 31/7/2024 anh H1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN10023 thửa đất số 325, tờ bản đồ số 512 diện tích 1116m² (trong đó có 90m² đất ở, 1026m² đất trồng cây lâu năm)

Trong quá trình giao dịch anh H có trả được 50.000.000 đồng tiền lãi cho anh H1.

Anh H đã nhận tiền vay của anh H1, anh H1 đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế anh H1 không có quản lý sử dụng quyền sử dụng đất và nhà ở mà do ông H2, bà V, chị P, anh H đang sinh sống và quản lý sử dụng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu: Xuất phát từ việc vay tiền trước đó nên anh H và anh H1 ký kết hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất mục đích là đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng; Mặc dù anh H1 đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn chưa quản lý sử dụng đất. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh H1 vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ không thể hiện ý kiến của anh H1 về yêu cầu của nguyên đơn nhưng căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” ghi ngày 23 tháng 6 năm 2023, do nguyên đơn cung cấp đã có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm che dấu hợp đồng vay tiền, đảm bảo cho hợp đồng vay tiền theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự.

Xét về lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H1 và anh H ký vào ngày 26/6/2023 vô hiệu do lỗi của cả hai bên, hai bên đều nhận thức được việc ký hợp đồng để đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng và số tiền này là tiền vay không phải tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Xét về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập và các bên phải hoàn lại cho nhau những gì đã nhận và bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường theo khoản 2 điều 131 Bộ luật dân sự. Trong vụ án này không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN10023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G cấp cho anh Phạm Cao Duy H1, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 512 diện tích 1116m² (trong đó có 90m² đất ở, 1026m² đất trồng cây lâu năm). Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thì đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với giao dịch dân sự bị che dấu (hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2023): Tuy trong vụ án bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì nhưng nguyên đơn là anh H tự nguyện đồng ý trả cho bị đơn số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/6/2023 đến ngày xét xử (trừ đi 50.000.000 đồng tiền lãi đã chuyển khoản) là 60.390.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn anh Phạm Cao Duy H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy anh H1 đã thừa nhận và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này không ai yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bị đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, Điều 227, 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 124, khoản 2 Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bành Đức H.

1.1 Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 005520, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 26/6/2023 giữa anh Bành Đức H và Phạm Cao Duy H1 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 12, diện tích 1116m², loại đất ở nông thôn 90m² và cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/01/2021 là vô hiệu do giả tạo.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

1.2. Anh Bành Đức H có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Cao Duy H1 số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 60.390.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Cao Duy H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Bành Đức H phải chịu 20.415.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 9.050.000 đồng theo biên lai thu số 0000973 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy anh Bành Đức H phải nộp tiếp số tiền là 11.365.600 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND.TPGC;
- Chi cục THADS.TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, av.

Nguyễn Thị Thu Thảo